

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG TRÔM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/4/2022

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Nguyễn Yên Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Cảnh

2. Bà Phan Thị Thắm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Yên

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên

Ngày 22/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2022/TLST-HNGĐ, ngày 16/02/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1996

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre

Địa chỉ liên hệ: Ấp 2 (B), xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre

**- Bị đơn:** Anh Ngô Thanh T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 287, ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre

(Chị A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A trình bày:*

Chị và anh Ngô Thanh T kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/3/2018; hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T đi nhậu, cờ bạc về gây gổ, có lời lẽ xúc phạm chị và nhiều lần đánh đập chị, nhiều lần nói những câu thiếu tôn trọng gia đình chị. Anh chị ly thân từ tháng 11/2021 đến nay. Nay chị A xác định không còn tình cảm với anh Ngô Thanh T nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy A yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Thanh T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Ngô Thanh T có 1 con

chung là: Ngô Gia B, sinh ngày 29/9/2017. Chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thúy A khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thúy A khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên chị A có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

*Theo bị đơn anh Ngô Thanh T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Ngô Thanh T không đồng ý ly hôn với chị A vì anh còn thương vợ con.

- Về con chung: Anh T đồng ý để chị Nguyễn Thị Thúy A trực tiếp nuôi cháu Ngô Gia B, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Anh T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay,*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như ban đầu.

Bị đơn anh Ngô Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Ngô Thanh T chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy A.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị Nguyễn Thị Thúy A khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét cho chị được ly hôn với anh Ngô Thanh T và được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

- Bị đơn anh Ngô Thanh T hiện đang cư trú tại ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Chị Nguyễn Thị Thúy A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị A.

- Bị đơn anh Ngô Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào

khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Ngô Thanh T tự nguyện kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/3/2018. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, chị A cho rằng anh T đi nhậu, cờ bạc về gây gổ, có lời lẽ xúc phạm chị và nhiều lần đánh đập chị, nhiều lần nói những câu thiếu tôn trọng gia đình chị. Anh chị đã ly thân từ tháng 11/2021 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nữa nên cương quyết xin được ly hôn. Về phía anh T không đồng ý ly hôn với chị A vì lý do anh còn thương vợ con, anh mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để cùng nhau nuôi con nhưng khi Tòa án tổ chức phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng thì anh T lại tự ý bỏ về và những lần sau Tòa án mời đến hòa giải thì anh T không đến. Đồng thời, anh T cũng không đưa ra được biện pháp gì khả thi để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Ngô Thanh T là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Ngô Thanh T có 1 con chung là: Ngô Gia B, sinh ngày 29/9/2017. Chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu Ngô Gia B còn rất nhỏ, hiện đang sống với mẹ và có cuộc sống, sinh hoạt ổn định. Đồng thời, phía anh T cũng đồng ý để chị A tiếp tục nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận để chị Nguyễn Thị Thúy A là người trực tiếp nuôi cháu Ngô Gia B cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, mặc dù chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng và không đồng ý nhận cấp dưỡng từ anh T nhưng anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu B hàng tháng 2.000.000 đồng/tháng. Xét thấy đây là ý chí hoàn toàn tự nguyện của anh T, có lợi cho cháu B và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu B mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Ngô Thanh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Ngô Thanh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Nguyễn Thị Thúy A phải chịu và án phí cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh Ngô Thanh T phải chịu theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số

326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A đối với bị đơn anh Ngô Thanh T, cụ thể tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy A được ly hôn với anh Ngô Thanh T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Ngô Gia B, sinh ngày 29/9/2017 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Anh Ngô Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu B mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Ngô Thanh T được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Ngô Thanh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Ngô Thanh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Nguyễn Thị Thúy A phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004680 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Chị A đã nộp xong tiền án phí.

Anh Ngô Thanh T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Ngô Thanh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã C, H. G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đào Nguyễn Yến Phương**